TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Bà Trần Thị Đẹp

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Văn Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08/4/2021, về việc "*Tranh chấp ly hôn";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 18/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1967, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Cư trú tại: Ấp N, xã M, huyện C tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1972, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt;

Cư trú tại: Ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1988, anh có xác lập quan hệ hôn nhân với chị Nguyễn Thị L, hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 con chung tên: Nguyễn Văn V, sinh năm 1989; Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1993. Tất cả các con chung đều đã thành niên.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu thì hai vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây, vợ chồng anh phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng anh không tìm được tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên gây gỗ nhau. Nhiều lần anh tìm cách hòa giải để duy trì cuộc sống gia đình nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt, nếu kéo dài chỉ làm khổ cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn P yêu cầu Tòa án giải quyết: Được ly hôn với chị Nguyễn Thị L; Về con chung: Nguyễn Văn V, sinh năm 1989; Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1993 đều đã thành niên nên không yêu cầu xem xét, giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Văn P có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L thống nhất với anh Nguyễn Văn P về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như anh P trình bày.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Từ lúc các con trưởng thành không hiểu lý do vì sao mà hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mỗi người một tính, không tìm được tiếng nói chung, trong cuộc sống vợ chồng không ai quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống. Mặc dù hai vợ chồng có cho nhau cơ hội để có thể đoàn tụ nhưng vẫn không được. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nếu có tiếp tục sống chung cũng không còn hạnh phúc. Chị L đồng ý ly hôn với anh P.

Về con chung: Nguyễn Văn V, sinh năm 1989; Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1993, đều đã thành niên nên không yêu cầu xem xét, giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Nguyễn Văn V, sinh năm 1989; Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1993 đều đã thành niên nên anh P, chị L không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là*"Tranh chấp ly hôn"*. Bị đơn chị Nguyễn Thị L cư trú tại ấp C, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

[2] Về thủ tục tố tụng*:* Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh P, chị L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L sống chung với nhau vào năm 1988, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy hôn nhân của anh chị là không hợp pháp, trái với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong thời gian sống chung anh chị có những mâu thuẫn không thể điều hoà được dẫn đến việc anh P cương quyết xin ly hôn với chị L. Anh P, chị L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn. Xét thấy, anh và chị L xác lập quan hệ hôn nhân không có đăng ký kết hôn là không đúng theo quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, 14 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L**.**

[4] Về con chung: Nguyễn Văn V, sinh năm 1989; Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1993 đều đã thành niên, anh P và chị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L**.**

2. Về con chung: Nguyễn Văn V, sinh năm 1989; Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1993 đều đã thành niên. Anh P và chị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002208, ngày 07/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện

Tiểu Cần, anh Nguyễn Văn P đã nộp đủ án phí. Chị Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh